

**HỘI ĐỒNG PHPBGDPL HUYỆN ĐỒNG PHÚ
PHÒNG TƯ PHÁP**

**TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN VỀ LUẬT PHÒNG CHỐNG
BẠO LỰC GIA ĐÌNH (SỬA ĐỔI NĂM 2022)**

I. Vai trò của gia đình trong xã hội

Gia đình là tế bào của xã hội, gia đình có tốt thì xã hội mới tốt, gia đình là chỗ dựa về tinh thần và vật chất cho mỗi thành viên, là nơi để mọi người được thể hiện, bày tỏ tình yêu thương, sự chia sẻ dành cho nhau; gia đình còn là nơi tiếp thu, giữ gìn và lưu truyền các giá trị văn hóa truyền thống của quê hương, đất nước. Những chuẩn mực giá trị tốt đẹp như lòng yêu nước, yêu quê hương, yêu thương, chia sẻ, đùm bọc lẫn nhau, thủy chung, hiếu nghĩa, hiếu học, cần cù sáng tạo trong lao động, bất khuất, kiên cường vượt qua mọi khó khăn, thử thách... được hình thành, phát triển và gìn giữ vun đắp trong mỗi gia đình.



II. Thực trạng hiện nay thực hiện pháp luật về bạo lực gia đình

Sau gần 15 năm thi hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007, nhận thức của người dân, cộng đồng và chính quyền các cấp đã chuyển biến tích cực. Trách nhiệm phòng, chống bạo lực gia đình (BLGD) không chỉ riêng của một ngành, một cấp mà thuộc trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội. Mọi hành vi BLGD đều bị lên án và xử lý. Tình trạng BLGD đã có xu hướng giảm đáng kể theo từng năm cả về số vụ và mức độ bạo lực.

Tuy nhiên hiện nay, một thực trạng rất đáng báo động đó là bạo lực gia đình vẫn còn tồn tại và tiềm ẩn diễn biến phức tạp, khó lường trong các gia đình ở Việt Nam nói chung và ở Bình Phước nói riêng.

Một số địa phương vẫn xảy ra các vụ BLGD nghiêm trọng. Điều tra quốc gia bạo lực với phụ nữ được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng Cục thống kê, Quỹ Dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam thực hiện năm 2019, công bố năm 2020 cho thấy có 31,6% phụ nữ phải chịu ít nhất một hình thức bạo lực trong 12 tháng (kể từ lúc điều tra), cứ 3 phụ nữ thì có gần 1 người (32%) bị chồng bạo lực thể xác/hoặc bạo lực tình dục. Đáng chú ý có 90,4% phụ nữ bị chồng bạo lực thể xác hoặc tình dục không tìm kiếm sự giúp đỡ, chỉ có 4,8% tìm kiếm sự giúp đỡ của công an, kết quả điều tra cho thấy năm 2019, bạo lực gia đình với phụ nữ gây thiệt hại 1,8% GDP (tăng 0,2% so với năm 2012).

Theo thống kê của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh tình trạng bạo lực, xâm hại phụ nữ và trẻ em vẫn còn xảy ra, riêng từ tháng 1 đến tháng 10/2023, toàn tỉnh xảy ra 52 vụ xâm hại trẻ em, bạo lực chủ yếu là bạo lực tinh thần và thân thể; đối tượng của bạo lực gia đình gồm trẻ em, người già, phụ nữ.

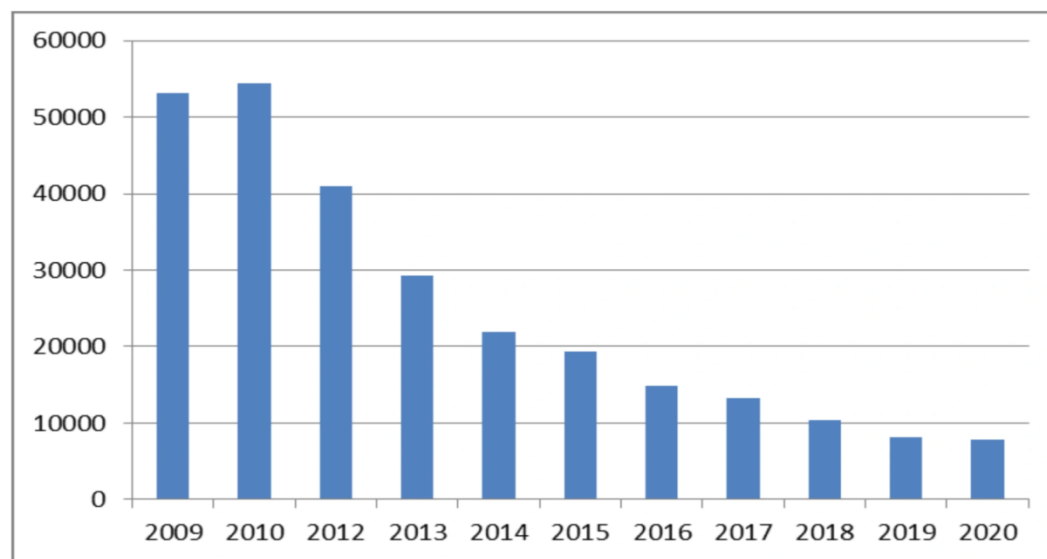


Từ thực trạng tình hình bạo lực gia đình cho thấy, BLGD vẫn còn khá phổ biến không chỉ ở nhóm đối tượng là phụ nữ mà còn ở người già, trẻ em và các đối tượng khác, tuy nhiên đối tượng bị ảnh hưởng nhiều nhất vẫn là phụ nữ. Có nhiều nguyên nhân gây nên tình trạng bạo lực gia đình, đó là do ảnh hưởng của tư duy phong kiến, bất bình đẳng giới, trọng nam, khinh nữ, thái độ gia trưởng ở một số nam giới; do thiếu kỹ năng trong giao tiếp, ứng xử, kỹ năng giải quyết mâu thuẫn giữa các thành viên trong gia đình, thiếu hiểu biết về quy định của pháp luật như Luật Bình đẳng giới, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật phòng chống bạo lực gia đình, Luật Giáo dục và chăm sóc trẻ em. Các tệ nạn xã hội như rượu chè, cờ bạc, nghiện hút, mại dâm, ngoại tình,... đã trực tiếp dẫn đến bạo lực gia đình. Một

nguyên nhân quan trọng khác nữa đó là sự cam chịu, không dám công khai, báo cáo về hành vi bạo lực gia đình của các nạn nhân bị bạo lực gia đình.



Bạo lực gia đình gây ra nhiều hệ lụy và tác động đến nhiều đối tượng trong xã hội, đặc biệt là các nạn nhân bị bạo lực gia đình trực tiếp, họ sẽ bị tổn thương về thể xác, nhẹ thì bầm tím, trầy xước đau đớn, nặng thì thương tật, làm giảm hoặc mất khả năng lao động, thậm chí tàn tật và dẫn đến tử vong, hoặc bị tổn thương tâm lý trầm trọng gây ra những rối loạn tâm lý như trầm uất, hoang tưởng. Bạo lực gia đình còn ảnh hưởng tới quá trình phát triển của các trẻ em sống trong gia đình có bạo lực. Theo khảo sát nghiên cứu của Trung tâm Thanh Thiếu niên Miền Nam, khi trẻ vị thành niên chứng kiến bố mẹ có hành vi bạo lực, 85,4% trong số đó có biểu hiện chán nản, lo lắng; 20% trẻ cảm thấy sợ hãi; 12,7% mất đi sự tôn trọng đối với bố mẹ, thậm chí 5,5% còn lại muốn bỏ nhà ra đi. Bạo lực gia đình ảnh hưởng tiêu cực tới mối quan hệ giữa vợ và chồng, cha mẹ và con, làm cho gia đình tan vỡ không hạnh phúc, thậm chí dẫn đến ly hôn, từ đó giảm trách nhiệm quan tâm chăm sóc con cái. Hậu quả con cái sẽ xa rời gia đình, dễ tiếp thu những ảnh hưởng tiêu cực của xã hội hoặc trở thành nạn nhân của các tệ nạn xã hội. Bạo lực gia đình còn gây ra những thiệt hại về kinh tế: Tài sản của gia đình bị giảm sút do sự đập phá, tiêu tán bởi hành vi bạo lực gia đình; thu nhập của gia đình và đóng góp cho xã hội giảm bởi khả năng lao động của nạn nhân bị hạn chế. Vì vậy, việc nhận diện đúng, đủ về tệ nạn bạo lực gia đình để mọi người ý thức chấp hành tốt Luật Bình đẳng giới luôn là việc cần thiết cho từng mái ấm gia đình, cộng đồng và xã hội.



Số liệu báo cáo về các vụ việc bạo lực gia đình được các tỉnh thành trên cả nước tự thống kê trong giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2020.

Là cơ quan thường trực của Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật huyện. Phòng Tư pháp giới thiệu một số nội dung cơ bản của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 sửa đổi năm 2022 được Quốc hội khoá XV kỳ họp thứ 3.

III. Luật được ban hành với những nội dung cơ bản như sau:

Luật gồm 6 Chương, 56 Điều thông qua vào ngày 14/11/2022, Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2023.

Chương I (Những quy định chung):

Chương này quy định về phạm vi điều chỉnh, giải thích từ ngữ, hành vi BLGD; nguyên tắc phòng, chống BLGD; các hành vi bị nghiêm cấm trong phòng, chống BLGD; chính sách của Nhà nước về phòng, chống BLGD; tháng hành động quốc gia phòng, chống BLGD; hợp tác quốc tế về phòng, chống BLGD; quyền và trách nhiệm của người bị BLGD; trách nhiệm của người có hành vi BLGD; trách nhiệm của thành viên gia đình trong phòng, chống BLGD; quyền và trách nhiệm của cá nhân trong phòng, chống BLGD.

Chương II (Phòng ngừa BLGD):

Chương này quy định về mục đích, yêu cầu trong thông tin, truyền thông, giáo dục; nội dung thông tin, truyền thông, giáo dục; hình thức thông tin, truyền thông, giáo dục; tư vấn về phòng, chống BLGD; hòa giải trong phòng, chống BLGD; chủ thể tiến hành hòa giải.

Chương III (Bảo vệ, hỗ trợ, xử lý vi phạm trong phòng, chống BLGD):

Chương này quy định về báo tin, tố giác về hành vi BLGD; xử lý tin báo, tố giác về hành vi BLGD; sử dụng âm thanh, hình ảnh về hành vi BLGD; biện pháp ngăn chặn hành vi BLGD và bảo vệ, hỗ trợ người bị BLGD; buộc chấm dứt hành vi BLGD; yêu cầu người có hành vi BLGD đến trụ sở Công an xã nơi xảy ra hành vi BLGD; cấm tiếp xúc theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; cấm tiếp xúc theo quyết định của Tòa án; giám sát việc thực hiện quyết định cấm tiếp xúc; bố trí nơi tạm lánh và hỗ trợ nhu cầu thiết yếu; chăm sóc, điều trị người bị BLGD; trợ giúp pháp lý và tư vấn tâm lý, kỹ năng để ứng phó với BLGD; giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi BLGD; góp ý, phê bình người có hành vi BLGD trong cộng đồng dân cư; thực hiện công việc phục vụ cộng đồng; bảo vệ người tham gia phòng, chống BLGD và người báo tin, tố giác về BLGD; cơ sở trợ giúp phòng, chống BLGD; địa chỉ tin cậy; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở trợ giúp xã hội, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý; cơ sở khác tham gia trợ giúp phòng, chống BLGD; cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống BLGD; xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống BLGD.

Chương IV (Điều kiện bảo đảm phòng, chống BLGD):

Chương này quy định về kinh phí phòng, chống BLGD; cơ sở dữ liệu về phòng, chống BLGD; phối hợp liên ngành về phòng, chống BLGD; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tham gia phòng, chống BLGD.

Chương V (Quản lý Nhà nước và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức về phòng, chống BLGD):

Chương này quy định nội dung quản lý nhà nước về phòng, chống BLGD; trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về phòng, chống BLGD; trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp; trách nhiệm của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân các cấp; trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên; trách nhiệm của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; trách nhiệm của tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế.

Chương VI (Điều khoản thi hành):

Chương này quy định về việc sửa đổi, bổ sung Điều 135 của Bộ Luật Tố tụng dân sự và hiệu lực thi hành.

IV. Những điểm mới của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi)

Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi) đã có nhiều điểm mới phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Một số điểm mới tập trung vào các nội dung sau:

1. Tiếp cận dựa trên quyền con người và lấy người bị BLGD là trung tâm

Sửa đổi, bổ sung các hành vi BLGD; sửa đổi, bổ sung nhóm đối tượng được áp dụng tương tự; bổ sung quy định để tăng tính khả thi áp dụng Luật đối với người nước ngoài cư trú ở Việt Nam.

2. Thực hiện phòng ngừa BLGD, trong phòng có chống, trong chống có phòng

Sửa đổi, bổ sung quy định về thông tin, truyền thông, giáo dục; nội dung tư vấn, đối tượng cần tập trung tư vấn và quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong việc bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng trong phòng, chống BLGD; sửa đổi quy định về hòa giải nhằm tránh lợi dụng hòa giải để trốn tránh xử lý hành vi BLGD; bổ sung “*Tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống BLGD*”, trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong xử lý tin báo, tố giác về hành vi BLGD và sử dụng âm thanh, hình ảnh về hành vi BLGD.

3. Sửa đổi, bổ sung các biện pháp bảo vệ, hỗ trợ, xử lý vi phạm trong phòng, chống BLGD để khắc phục những bất cập của Luật hiện hành, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn

Bổ sung biện pháp yêu cầu người có hành vi BLGD đến trụ sở Công an xã nơi xảy ra hành vi BLGD; thẩm quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Tòa án tự mình ban hành quyết định cấm tiếp xúc, đơn giản hóa thủ tục; quy định về giám sát việc thực hiện quyết định cấm tiếp xúc; biện pháp giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi BLGD; biện pháp “thực hiện công việc phục vụ cộng đồng”; bảo vệ người tham gia phòng, chống BLGD và người báo tin, tố giác về BLGD.

4. Khuyến khích xã hội hóa công tác phòng, chống BLGD, đồng thời nâng cao trách nhiệm của Nhà nước trong bố trí nguồn lực cho phòng, chống BLGD để hướng tới xây dựng và phát triển các cơ sở trợ giúp về phòng, chống BLGD hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả

Quy định về cơ sở trợ giúp phòng, chống BLGD, cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống BLGD; bổ sung các quy định về điều kiện bảo đảm thực hiện phòng, chống BLGD như quy định về kinh phí phòng, chống BLGD, cơ sở dữ liệu về phòng, chống BLGD, phối hợp liên ngành về phòng, chống BLGD, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tham gia phòng, chống BLGD.

5. Sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm của Chính phủ, cơ quan quản lý nhà nước về phòng, chống BLDĐ và cơ quan, tổ chức có liên quan trong phòng, chống BLDĐ

Bổ sung trách nhiệm của Chính phủ định kỳ 02 năm một lần hoặc đột xuất báo cáo Quốc hội về công tác phòng, chống BLDĐ; trách nhiệm của các cơ quan trong thực hiện nhiệm vụ phòng, chống BLDĐ.

V. Những quy định của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình sau khi sửa đổi cần lưu ý

1. Bạo lực gia đình là hành vi vi phạm pháp luật và được quy định chi tiết tại Luật Phòng, chống bạo lực gia đình

1.1 Bạo lực gia đình là gì?

Định nghĩa bạo lực gia đình là gì được nêu tại khoản 1 Điều 2 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 như sau:

Bạo lực gia đình là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, tình dục, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình.

Như vậy, không chỉ các hành vi “tác động vật lý” trực tiếp giữa các thành viên trong gia đình với nhau mà những việc làm gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại đến tinh thần, tình dục và cả kinh tế của các thành viên khác trong gia đình đều có thể coi là bạo lực gia đình.

Thậm chí, có những hành vi mà trong cuộc sống nhiều người không nghĩ đó là bạo lực gia đình:

- Cha mẹ bắt con cái phải học hành quá sức.
- Cha mẹ hoặc các thành viên khác trong gia đình thường xuyên chê bai, miệt thị ngoại hình của con cái....

Những hành vi như thế này đều có thể bị coi là bạo lực gia đình.

1.2 Nạn nhân bạo lực gia đình có quyền gì?

Về quyền của nạn nhân bạo lực gia đình, khoản 1 Điều 9 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình quy định các quyền như sau:

- Được quyền yêu cầu cá nhân hoặc cơ quan có thẩm quyền bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm cùng quyền, lợi ích hợp pháp có liên quan đến hành vi bạo lực gia đình.

- Được yêu cầu áp dụng các biện pháp bảo vệ, hỗ trợ ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình.

- Được bố trí và yêu cầu giữ bí mật nơi tạm lánh, thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và gia đình.

- Được tư vấn tâm lý, kỹ năng ứng phó với bạo lực gia đình; được trợ giúp pháp lý và trợ giúp xã hội và cung cấp các dịch vụ y tế.

- Được yêu cầu người bạo lực gia đình bồi thường các tổn hại về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, khắc phục hậu quả do hành vi bạo lực gia đình gây ra và bồi thường các thiệt hại về tài sản.

- Được thông tin về quyền, nghĩa vụ liên quan quá trình giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên trong gia đình và việc xử lý hành vi bạo lực gia đình.

- Được khiếu nại, khởi kiện hoặc tố cáo các hành vi vi phạm về phòng, chống bạo lực gia đình và các quyền khác liên quan.

1.3. Hành vi bạo lực gia đình gồm những gì?



Các hành vi bạo lực gia đình có thể phân ra thành nhiều loại gồm bạo lực về tinh thần, bạo lực về thể xác và bạo lực về kinh tế, về tình dục. Tựu chung lại gồm các hành vi nêu tại khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình dưới đây:

Điều 3. Hành vi bạo lực gia đình

1. Hành vi bạo lực gia đình bao gồm:

a) Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng;



- b) Lãng mạ, chì chiết hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm;
- c) Cường ép chứng kiến bạo lực đối với người, con vật nhằm gây áp lực thường xuyên về tâm lý;
- d) Bỏ mặc, không quan tâm; không nuôi dưỡng, chăm sóc thành viên gia đình là trẻ em, phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người cao tuổi, người khuyết tật, người không có khả năng tự chăm sóc; không giáo dục thành viên gia đình là trẻ em;
- đ) Kỳ thị, phân biệt đối xử về hình thể, giới, giới tính, năng lực của thành viên gia đình;
- e) Ngăn cản thành viên gia đình gặp gỡ người thân, có quan hệ xã hội hợp pháp, lành mạnh hoặc hành vi khác nhằm cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý;
- g) Ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau;
- h) Tiết lộ hoặc phát tán thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình của thành viên gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm;
- i) Cường ép thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của vợ hoặc chồng;
- k) Cường ép trình diễn hành vi khiêu dâm; cường ép nghe âm thanh, xem hình ảnh, đọc nội dung khiêu dâm, kích thích bạo lực;
- l) Cường ép tảo hôn, kết hôn, ly hôn hoặc cản trở kết hôn, ly hôn hợp pháp;
- m) Cường ép mang thai, phá thai, lựa chọn giới tính thai nhi;

n) Chiếm đoạt, hủy hoại tài sản chung của gia đình hoặc tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình;

o) Cường ép thành viên gia đình học tập, lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ; kiểm soát tài sản, thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng lệ thuộc về mặt vật chất, tinh thần hoặc các mặt khác;

p) Cô lập, giam cầm thành viên gia đình;

q) Cường ép thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp trái pháp luật.

Có thể thấy, theo quy định của Luật, có 16 biểu hiện của hành vi bạo lực gia đình.

Trong đó, đặc biệt là khoản 2 Điều 3 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình còn quy định, những hành vi bị coi là bạo lực gia đình không chỉ áp dụng với thành viên hiện tại trong gia đình có quan hệ huyết thống, nuôi dưỡng mà còn áp dụng giữa các đối tượng:

- Người đã ly hôn.
- Người chung sống như vợ chồng.
- Người là cha, mẹ, con riêng, anh, chị, em của người đã ly hôn hoặc của người chung sống như vợ chồng.
- Người đã từng có quan hệ cha mẹ nuôi và con nuôi với nhau.

2. Nguyên nhân và hậu quả của bạo lực gia đình

2.1 Nguyên nhân

Hiện nay, có nhiều nguyên nhân dẫn đến bạo lực gia đình. Tuy nhiên, phần lớn nguyên nhân đều xuất phát từ những lý do sau đây:

- Do tệ nạn xã hội: Khá nhiều lý do dẫn đến bạo lực gia đình về thể chất xảy ra do tệ nạn xã hội. Có thể kể đến do nghiện hút, cờ bạc, rượu chè... dẫn đến mất kiểm soát hành vi và có hành vi bạo lực gia đình như đánh đập, hành hạ, ngược đãi, chì chiết xúc phạm danh dự, nhân phẩm... của thành viên khác trong gia đình.

- Do kinh tế: Khi kinh tế khó khăn, nhiều người trong gia đình sẽ gặp phải áp lực, căng thẳng... và đây có thể là nguyên nhân dẫn đến bạo lực gia đình. Tuy nhiên, không phải mọi gia đình có kinh tế khó khăn, mức thu nhập thấp đều xảy ra hiện tượng bạo lực gia đình.

- Do nhận thức của mỗi người: Hằn sâu trong nhận thức của mỗi người là tư tưởng trọng nam khinh nữ, bất bình đẳng giới, coi hành vi bạo lực gia đình là hiển nhiên trong cuộc sống... Chính những suy nghĩ đó đã khiến bạo lực gia đình gia tăng nhất là bạo lực phụ nữ và trẻ em...



Rượu chè được coi là một trong những nguyên nhân dẫn đến bạo lực gia đình

2.2 Hậu quả bạo lực gia đình là gì?

Bạo lực gia đình để lại hậu quả vô cùng nghiêm trọng không chỉ về thể xác, tinh thần mà thậm chí còn ảnh hưởng đến giống nòi đặc biệt là tác động tiêu cực đến phụ nữ và trẻ em.

- Với chính nạn nhân bị bạo lực gia đình, có nhiều trường hợp khiến nạn nhân ảnh hưởng sức khỏe thậm chí mất mạng; về tinh thần thì cũng có nhiều trường hợp tinh thần không ổn định kéo theo đó tăng tỷ lệ tự tử vì bị bạo lực gia đình lên cao.

Ngoài ra, người bị bạo lực gia đình sẽ bị ảnh hưởng nặng nề đến tinh thần, luôn hoảng sợ, lo lắng, bất an, trầm cảm và tuyệt vọng.



- Với người có hành vi bạo lực gia đình: Không chỉ nạn nhân mà người gây ra hành vi bạo lực gia đình cũng chịu một số hậu quả như: Phá hỏng mối quan hệ giữa mình và các thành viên khác trong gia đình; sau mỗi hành vi bạo lực có thể sẽ để lại tâm lý ám ảnh, ăn năn, hối lỗi, giày vò...

Đặc biệt, người bạo lực gia đình còn có thể đối mặt với mức xử phạt vi phạm hành chính hoặc nặng hơn có thể phải chịu trách nhiệm hình sự.

- Với trẻ em, nếu là nạn nhân hoặc sống trong gia đình thường xuyên xảy ra hành vi bạo lực gia đình, tâm lý và sức khỏe của các em sẽ không ổn định. Khi lớn lên, nhiều đứa trẻ bị ám ảnh thậm chí có những hành vi bạo lực gia đình tương tự như khi đã được chứng kiến khi còn bé.

Đặc biệt, có không ít trường hợp bỏ học, phạm tội, uống rượu, hút thuốc, nghiện ma túy...

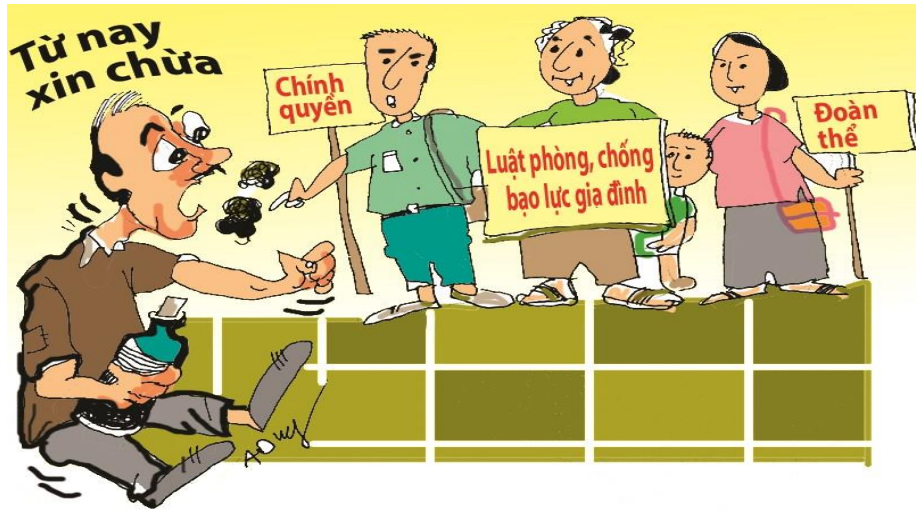
3. Cách xử lý bạo lực gia đình

3.1 Người bị bạo lực gia đình phải làm gì?

Trước hết, để tự bảo vệ mình, người bị bạo lực gia đình cần tránh để xảy ra xích mích với người thường xuyên có hành vi này. Khi hành vi bạo lực gia đình xảy ra thường xuyên thì việc đầu tiên mà người bị bạo lực cần làm đó là bằng mọi cách tránh xảy ra xung đột với người thực hiện hành vi bạo lực gia đình.

Khi đã không thể tránh khỏi, để được yêu cầu bảo vệ sức khỏe, tính mạng... thì người bị bạo lực cần phải liên hệ ngay với các cơ quan có thẩm quyền gồm:

- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra tình trạng bạo lực gia đình.
- Cơ quan công an hoặc đồn biên phòng nơi gần nhất với nơi xảy ra bạo lực gia đình.
- Trường học nếu người bị bạo lực gia đình đang theo học.
- Trưởng thôn, ấp hoặc Tổ trưởng Tổ dân phố hoặc Trưởng Ban công tác mặt trận nơi xảy ra bạo lực gia đình.
- Người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội cấp xã nơi xảy ra tình trạng bạo lực gia đình.
- Các số điện thoại tổng đài cần nhớ trong trường hợp khẩn cấp.
- Tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình theo Điều 19 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình và Điều 7 Nghị định 76/2023/NĐ-CP, ngày 11/11/2023 tổng đài này sẽ dùng số điện thoại ngắn có 03 chữ số để tiếp nhận và xử lý tin báo, tố giác về bạo lực gia đình. Tổng đài này sẽ hoạt động 24 giờ tất cả các ngày, có ghi âm tự động và miễn phí cho mọi cuộc gọi đến và gọi đi (**số 111**)



3.2 Người chứng kiến bạo lực gia đình nên làm gì?

Khi chứng kiến hành vi bạo lực gia đình xảy ra, cá nhân phải báo tin, tố giác ngay đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ở trên.

Đồng thời, những người này phải tham gia bảo vệ, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình, các hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình ở cộng đồng (căn cứ khoản 2 Điều 12 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình).

Ngoài ra, với những thành viên khác trong gia đình, mọi người cần nhắc nhở người thân của mình phải tuân thủ quy định về phòng, chống bạo lực gia đình.

Đồng thời, cũng cần phải đứng ra hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp của các thành viên khác trong gia đình nhằm phòng tránh việc bạo lực gia đình xảy ra; nếu có hành vi bạo lực gia đình thì phải yêu cầu người thực hiện chấm dứt ngay hành vi vi phạm pháp luật đó.



Nguyễn Phong Dân – BCV cấp huyện – Trưởng phòng Tư pháp